

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-VKSTC ngày 01/4/2025
của Viện trưởng VKSND tối cao)

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ DÂN SỰ

I. Hệ thống biểu mẫu thống kê dân sự

1. Danh mục các Biểu

Biểu số 18: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình (Biểu 18.1, Biểu 18.2 và Biểu 18.3).

Biểu 18.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 18.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 18.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 19: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ việc kinh doanh thương mại, lao động (Biểu 19.1, Biểu 19.2 và Biểu 19.3).

Biểu 19.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 19.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 19.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 20: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính (Biểu 20.1, Biểu 20.2 và Biểu 20.3).

Biểu 20.1: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm.

Biểu 20.2: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm.

Biểu 20.3: Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số 21: Thống kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Biểu 21.1 và Biểu 21.2).

Biểu 21.1: Thống kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Biểu 21.2: Thống kê kiểm sát giải quyết tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo thủ tục xem xét lại kháng nghị của viện kiểm sát.

Biểu số 22: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (Biểu 22.1 và Biểu 22.2).

Biểu 22.1: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Biểu 22.2: Thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Biểu số 23: Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Biểu 23.1 và Biểu 23.2).

Biểu 23.1: thống kê kiểm sát trình tự thủ tục đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Biểu 23.2: thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Biểu số 24: Thống kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính (Biểu 24.1 và Biểu 24.2).

Biểu 24.1: Thống kê kết quả thi hành án dân sự, hành chính.

Biểu 24.2: Thống kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính.

Biểu số 25: Thống kê giải quyết và kiểm sát giải quyết đơn trong hoạt động tư pháp (Biểu 25.1, Biểu 25.2, Biểu 25.3 và Biểu 25.4).

Biểu 25.1: Thống kê kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn trong hoạt động tư pháp.

Biểu 25.2: Thống kê giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát.

Biểu 25.3: Thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

Biểu 25.4: Thống kê giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của viện kiểm sát.

2. Các biểu thực hiện trong các kỳ thống kê tháng, 6 tháng, 12 tháng (thời điểm quy định cụ thể trên biểu mẫu)

Tất cả các biểu mẫu dân sự thực hiện trong cả các kỳ tháng, 6 tháng, 12 tháng

II. Hướng dẫn biểu mẫu

1. Hướng dẫn chung:

Hướng dẫn chung: Các tiêu chí trong Biểu mẫu thống kê đều có căn cứ thống kê là các danh mục biểu mẫu tổ tụng, nghiệp vụ trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, giải quyết các vụ án hành chính Ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC ngày 25/11/2021; mẫu văn bản tổ tụng trong kiểm sát thi hành án dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2017; biểu mẫu công tác tiếp công dân, kiểm sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của ngành Kiểm sát nhân dân kèm theo Quyết định số 28/QĐ-VKSTC ngày 15/02/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Hướng dẫn biểu mẫu chỉ áp dụng đối với các tiêu chí có thể có cách hiểu khác nhau, hướng dẫn rõ để hiểu và thực hiện một cách thống nhất trong toàn Ngành.

2. Hướng dẫn cụ thể

Biểu số 18.1

Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục sơ thẩm

- **Dòng 04 (Số vụ, việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê các vụ, việc còn lại của kỳ trước, các vụ, việc chuyển đi để giải quyết theo thẩm quyền, các vụ án nhập.

- **Dòng 05 (Số vụ việc tạm đình chỉ còn lại của kỳ trước) :** Dòng 5 = Dòng 15 tháng thống kê trước liền kề. Chính là (*Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê*) của kỳ trước chuyển qua kỳ sau.

- **Dòng 06 (Số vụ, việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê các vụ, việc mới nhận được thông báo thụ lý, các vụ, việc nhận từ nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền, các vụ án tách.

- **Dòng 07 (Tổng số vụ, việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số vụ, việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số cũ + số mới

$$\text{Dòng 07} = \text{Dòng 04} + \text{Dòng 06}$$

- **Dòng 13 (Số vụ, việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ, việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

$$\text{Dòng 13} = \text{Dòng 07} - \text{Dòng 09}$$

- **Dòng 15 (Số vụ, việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** $\text{Dòng 15} = \text{Dòng 5} - \text{Dòng 8} + \text{Dòng 14}$

- **Dòng 17 (Số văn bản tố tụng VKS đã kiểm sát) :** Bao gồm cả Quyết định, bản án, thông báo thụ lý ...)

- **Dòng 50 (Số bản kiến nghị khắc phục, phòng ngừa vi phạm pháp luật với cơ quan khác) và Dòng 51 (Số kiến nghị khắc phục, phòng ngừa vi phạm pháp luật với cơ quan khác được chấp nhận) :** 2 chỉ tiêu này độc lập vì số chấp nhận kiến nghị có thể từ kiến nghị trong các kỳ thống kê trước đó

- Các dòng xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát trong trường hợp án hủy, án sửa, kháng nghị của VKS không được chấp nhận: các đơn vị căn cứ vào Hướng dẫn số 15/HD-VKSTC ngày 27/6/2023 Hướng dẫn Việc xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát khi bản án, quyết định của Tòa án bị hủy, sửa và kháng nghị của VKS không được chấp nhận trong công tác giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

Biểu số 18.2

Thống kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình theo thủ tục phúc thẩm

- Các dòng “Số vụ, việc còn lại của kỳ trước”; “Số vụ, việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý” được hiểu tương tự như hướng dẫn trong Biểu 20.1.

- **Dòng 6 (Số vụ, việc VKS kháng nghị):** Số KN dòng này có thể VKS KN trong kỳ, có thể KN từ các kỳ trước TA đã thụ lý giải quyết theo thủ tục PT.

- **Dòng 7 (Tổng số vụ, việc VKS thụ lý kiểm sát):** Thống kê tổng số vụ, việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số cũ + số mới

$$\text{Dòng 7} = \text{Dòng 2} + \text{Dòng 5}$$

- **Dòng 49 (Số Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án (Quyết định) của TA cấp sơ thẩm (KN trên cấp):** Số KN dòng này VKS KN trong kỳ khác Dòng 6

- **Dòng 52 (Số Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Quyết định giải quyết việc dân sự):** Số KN dòng này VKS KN trong kỳ khác Dòng 6

- **Dòng 53 (Số Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Quyết định giải quyết việc xét đơn yêu cầu của TA):** Số KN dòng này VKS KN trong kỳ khác Dòng 6

- Các dòng xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát trong trường hợp án hủy, án sửa, kháng nghị của VKS không được chấp nhận: các đơn vị căn cứ vào Hướng dẫn số 15/HD-VKSTC ngày 27/6/2023 Hướng dẫn Việc xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát khi bản án, quyết định của Tòa án bị hủy, sửa và kháng nghị của VKS không được chấp nhận trong công tác giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

Biểu số 18.3

Thông kê kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự hôn nhân gia đình theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, thủ tục đặc biệt và xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao theo thủ tục đặc biệt

- Các dòng “Số vụ còn lại của kỳ trước”; “Số vụ mới được thụ lý” được hiểu tương tự như hướng dẫn trong Biểu 20.1.

- **Dòng 7 (Tổng số vụ VKS thụ lý):** Thông kê tổng số vụ VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số cũ + số mới

$$\text{Dòng 7} = \text{Dòng 3} + \text{Dòng 5}$$

- Các dòng xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát trong trường hợp án hủy, án sửa, kháng nghị của VKS không được chấp nhận: các đơn vị căn cứ vào Hướng dẫn số 15/HD-VKSTC ngày 27/6/2023 Hướng dẫn Việc xác định trách nhiệm của Viện kiểm sát khi bản án, quyết định của Tòa án bị hủy, sửa và kháng nghị của VKS không được chấp nhận trong công tác giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

Biểu số 19.1

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm

Hướng dẫn tương tự biểu 18.1

Biểu số 19.2

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục phúc thẩm

Hướng dẫn tương tự biểu 18.2

Biểu số 19.3:

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ, việc kinh doanh thương mại, lao động theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao theo thủ tục đặc biệt

Hướng dẫn tương tự biểu 18.3

Biểu số 20.1:

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm

Hướng dẫn tương tự biểu 18.1

Biểu số 20.2:

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục phúc thẩm

Hướng dẫn tương tự biểu 18.2

Biểu số 20.3:

Thông kê kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và xem xét lại quyết định của HĐTP TAND tối cao

Hướng dẫn tương tự biểu 18.3

Biểu số 21.1:

**Thông kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp,
hợp tác xã**

- **Dòng 02 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thông kê số việc còn lại trong kỳ thống kê trước (VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê trước) nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 03 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thông kê số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê

- **Dòng 04 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thông kê tổng số việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số cũ + số mới

$$\text{Dòng 04} = \text{Dòng 02} + \text{Dòng 03}$$

- **Dòng 06 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thông kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp

$$\text{Dòng 06} = \text{Dòng 04} - \text{Dòng 05}$$

Các dòng khác tiêu chí đã rõ.

Biểu số 21.2:

**Thông kê kiểm sát giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
theo thủ tục xem xét lại kháng nghị của Viện kiểm sát**

Hướng dẫn tương tự biểu 21.1

Biểu số 22.1:

**Thông kê kiểm sát trình tự thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện
pháp xử lý hành chính**

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 22.2:

Thống kê kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 23.1:

Thống kê kiểm sát trình tự thủ tục đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 23.2:

Thống kê kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 24.1

Thống kê kết quả thi hành án dân sự, hành chính

Thống kê theo hướng dẫn Biểu 1 Thông tư liên tịch Số: 12/2021/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 19/12/2021 quy định về phối hợp trong thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính liên ngành.

- **Cột 4 (Ủy thác đi, thu hồi, hủy Quyết định thi hành án):** Thống kê số việc/tiền ủy thác, thu hồi, hủy Quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Cột 5 (Nhận ủy thác):** Thống kê số việc/tiền nhận ủy thác trong kỳ TKê.

- **Cột 6 (Tổng số phải thi hành):** Thống kê số việc/tiền mà cơ quan THADS phải tổ chức thi hành trong kỳ báo cáo, gồm: số cũ + số mới - ủy thác đi, thu hồi, hủy + nhận ủy thác

$$Cột\ 6 = Cột\ 2 + Cột\ 3 - Cột\ 4 + Cột\ 5$$

- **Cột 18 (Số tồn):** Thống kê số việc cơ quan thi hành án dân sự chưa giải quyết xong bao gồm (số việc đang giải quyết, số việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành, số việc chưa có điều kiện thi hành, số việc chưa thi hành vì lý do khác, Số việc chưa có điều kiện thi hành) trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp, bao gồm: tổng số phải thi hành – tổng số thi hành xong – Tạm đình chỉ thi hành án

$$Cột\ 18 = Cột\ 6 - Cột\ 8 - Cột\ 17$$

Biểu số 24.2

Thống kê kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính

- **Dòng 91 (Số cũ chưa thi hành):** Thống kê số việc thi hành án hành chính còn lại của kỳ thống kê trước và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 94 (Số mới nhận):** Thống kê số việc thi hành án hành chính, VKS mới nhận được trong kỳ thống kê.

- **Dòng 98 (Tổng số):** Thống kê số việc mà cơ quan THADS phải tổ chức thi hành trong kỳ báo cáo, gồm: số cũ + số mới

$$Dòng\ 98 = Dòng\ 91 + Dòng\ 94$$

- **Dòng 105 (Số còn phải thi hành):** Thống kê số việc cơ quan thi hành án dân sự chưa giải quyết xong bao gồm trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp, bao gồm: tổng số - số đã thi hành xong

$$Dòng\ 105 = Dòng\ 98 - Dòng\ 101$$

Biểu số 25.1

Thống kê kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn trong hoạt động tư pháp

- **Dòng 1 (Số đơn còn lại của kỳ trước):** Thống kê số đơn VKS đã tiếp nhận từ kỳ thống kê trước nhưng chưa xử lý xong chuyển sang kỳ thống kê này để xử lý.

- **Dòng 11 (Tổng số đơn đã tiếp nhận):** Thống kê tổng số đơn VKS phải tiếp nhận để phân loại, xử lý gồm số đơn cũ và số đơn mới ($Dòng\ 11 = Dòng\ 1 + Dòng\ 2$).

- **Dòng 15 (Đơn tố giác trong hoạt động tư pháp):** Thống kê số đơn tố giác trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra VKSNDTC theo quy định tại *Điều 4 Quy chế 565/QĐ-VKSTC-C1 ngày 29/12/2017 mà VKS đã nhận*.

- **Dòng 23 (Số đơn chưa đủ hoặc không đủ điều kiện thụ lý):** Thống kê số đơn chưa đủ điều kiện mà phải bổ sung các nội dung, tài liệu cần thiết hoặc không đủ điều kiện thụ lý phải trả lại đơn và có văn bản thông báo rõ lý do theo *Khoản 9, 10 Điều 2; khoản 6 Điều 9 Quy chế 222* (Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 222/QĐ-VKSTC ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp).

- **Dòng 24 (Số đơn còn lại cuối kỳ chưa xử lý):** Thống kê số đơn còn lại chưa xử lý tính đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê.

$$D24 = D11 - D12$$

Biểu số 25.2

Thống kê kết quả giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của VKS

Thống kê kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của VKS thực hiện theo *Quy chế 222 và Quy trình 546*.

Một đơn chỉ có một nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS thì thống kê 01 đơn và 01 việc; Đối với đơn có nhiều nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát cấp mình thì thống kê số đơn và số việc tương ứng với từng nội dung (Ví dụ: 1 đơn có 3 nội dung khác nhau thì thống kê 03 đơn và 03 việc); Đối với đơn gửi đến từ nhiều nguồn khác nhau nhưng có cùng nội dung phải xử lý thì thống kê số việc tương ứng số đơn đã nhận (Ví dụ: 1 việc có 3 đơn thì thống kê 03 việc và 03 đơn).

I. Phần hướng dẫn theo cột:

1. Khiếu nại:

- **Cột 3 (Khiếu nại QĐ, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT, KSHĐTP):** Thống kê đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong THQCT và KSHĐ tư pháp trong tố tụng hình sự, thi hành án hình sự, và đơn khiếu nại quyết định, hành vi của người có thẩm quyền trong KSHĐ tư pháp trong tố tụng dân sự, hành chính, thi hành án dân sự, hành chính quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 29 Luật Tổ chức VKSND 2014.

- **Cột 4 (Khiếu nại về hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra VKSNDTC):** Thống kê những khiếu nại về hoạt động điều tra của Cục Điều tra VKSNDTC.

- **Cột 5 (Khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra):** Thống kê số khiếu nại quyết định, hành vi của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 475 Bộ Luật TTHS.

- **Cột 6 (Khiếu nại quyết định, hành vi của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của cấp trưởng cơ quan có nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển... quy định tại Khoản 2 Điều 475 Bộ luật TTHS.

- **Cột 7 (Khiếu nại liên quan đến việc bắt, tạm giữ, tạm giam):** Thống kê khiếu nại đối với việc bắt, tạm giữ, tạm giam của những người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành quy định tại Điều 474 BLTTHS.

- **Cột 8 (Khiếu nại liên quan đến thi hành án hình sự):** Thống kê những khiếu nại quy định tại Điều 168, Khoản 8 Điều 178 Luật THAHS.

- **Cột 9 (Khiếu nại liên quan đến thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác):** Thống kê những khiếu nại quy định tại Khoản 6 Điều 11 Quy chế 222.

- **Cột 10 (Các khiếu nại khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê những khiếu nại quy định tại Khoản 7 Điều 11 Quy chế 222.

- **Cột 11 (Tổng số):** Thống kê tổng số các loại khiếu nại bao gồm:

$$\text{Cột 11} = \text{cột 3} + \text{cột 4} + \text{cột 5} + \text{cột 6} + \text{cột 7} + \text{cột 8} + \text{cột 9} + \text{cột 10}$$

2. Tố cáo:

- **Cột 12 (Tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong THQCT, KSHĐTP):** Thống kê tố cáo về hành vi của cán bộ, những người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng của Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 29 Luật Tổ chức VKSND 2014.

- **Cột 13 (Tố cáo hành vi vi phạm của người được tiến hành một số hoạt động điều tra):** Thống kê tố cáo về hành vi vi phạm của người có thẩm quyền tiến hành hoạt động điều tra thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 481 BLTTHS.

- **Cột 14 (Tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền bắt, tạm giữ, tạm giam):** Thống kê tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định tại Khoản 4 Điều 481 BLTTHS.

- **Cột 15 (Tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền trong THA hình sự):** Thống kê tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự theo quy định tại Điều 168, Khoản 1 Điều 192 Luật THAHS.

- **Cột 16 (Tố cáo liên quan đến thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác):** Thống kê tố cáo liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự, hành chính và các loại án khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 14 Quy chế 222.

- **Cột 17 (Các loại tố cáo khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát):** Thống kê tố cáo khác ngoài các loại tố cáo từ cột 12 đến cột 16 và thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND.

- **Cột 18 (Tổng số):** Tổng số các loại tố cáo bao gồm:

$$Cột\ 18 = Cột\ 12 + cột\ 13 + cột\ 14 + cột\ 15 + cột\ 16 + cột\ 17$$

3. Các loại đơn, yêu cầu, tố giác khác:

- **Cột 19 (Đơn đề nghị, kiến nghị phản ánh và các loại khác):** Thống kê đơn kiến nghị phản ánh, yêu cầu...thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND bao gồm cả đơn đề nghị kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo điểm b khoản 5 Điều 9; điểm b Khoản 1 Điều 13 Quy chế 222.

- **Cột 20 (Yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra):** Thống kê yêu cầu bồi thường thiệt hại do người tiến hành tố tụng gây ra thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS.

- **Cột 21 (Tố giác tội phạm trong hoạt động tư pháp):** Thống kê tố giác tội phạm trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra VKSNDTC theo quy định tại Điều 4 Quy chế 565/QĐ-VKSTC-C1 ngày 29/12/2017 mà VKS đã nhận.

- **Cột 22 (Tổng cộng):** Tổng số khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND, bao gồm:

$$Cột\ 22 = cột\ 11 + cột\ 18 + cột\ 19 + cột\ 20 + cột\ 21.$$

II. Phần hướng dẫn theo dòng:

- **Dòng 1, 2 (Số đơn/việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS mà kỳ trước chưa giải quyết xong chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 5, 6 (Số đơn/việc do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến):** Thống kê số (đơn/việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), do cơ quan Đảng, nhà nước chuyển đến và VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7, 8 (Tổng số đơn/việc thụ lý):** Thống kê số đơn/việc thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND (đơn vị mình), bao gồm số cũ và số mới thụ lý.

$$D7 = D1 + D3 ; D8 = D2 + D4$$

- **Dòng 9, 10 (Tổng số đơn/việc đã giải quyết):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) đã giải quyết xong trong kỳ thống kê.

- **Dòng 14 (QĐ xử lý hành vi vi phạm pháp luật):** Thống kê số tố cáo đã giải quyết bằng hình thức ra Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong kỳ thống kê theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 Quy chế 222; Khoản 2 Điều 22 Quy trình 546.

- **Dòng 18, 19 (Số đơn/việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

$$D18 = D7 - D9 ; D19 = D8 - D10$$

- **Dòng 20, 21 (Tr.đó: Số đơn/việc quá hạn luật định):** Thống kê số (đơn/việc) VKSND (đơn vị mình) chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và đã quá hạn luật định.

- **Dòng 22 (Số đơn đề nghị kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật):** Thống kê số đơn đề nghị kiểm tra quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKSND (đơn vị mình) đã nhận (Điều 12 Quy trình 546).

- **Dòng 26 (Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật):** Thống kê số bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật mà VKS kiểm tra đã ban hành (Khoản 2 Điều 15 Quy trình 546).

- **Dòng 27 (Số việc trả lời thỉnh thị):** Thống kê số văn bản VKS cấp trên trả lời thỉnh thị VKS cấp dưới trong kỳ thống kê.

- **Dòng 28 (Số việc trả lời thỉnh thị đúng hạn):** Thống kê số văn bản VKS cấp trên trả lời thỉnh thị VKS cấp dưới trong thời hạn quy định của VKSND tối cao trong kỳ thống kê .

- **Dòng 29 (Số thông báo rút kinh nghiệm):** Thống kê số bản thông báo rút kinh nghiệm của VKS cấp trên đối với VKS cấp dưới trong kỳ thống kê.

Biểu số 25.3

Thống kê kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp

- **Dòng 6 (Số lần các cơ quan đã hoàn thành kiểm tra và báo cáo kết quả cho VKS):** Thống kê số lần các cơ quan tư pháp đã hoàn thành kiểm tra và báo cáo kết quả *bằng văn bản* cho VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Số việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm):** Thống kê số việc VKS phát hiện có vi phạm sau khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tư pháp.

- **Dòng 10 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã được các cơ quan tư pháp chấp nhận bằng văn bản trả lời, tiếp thu, báo cáo kết quả .v.v. trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 11 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS mà các cơ quan tư pháp không chấp nhận bằng văn bản trả lời, v.v. trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 13 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS đã được các cơ quan tư pháp chấp nhận bằng văn bản trả lời, tiếp thu, báo cáo kết quả .v.v. trong kỳ thống kê (kháng nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

Biểu số 25.4

Thống kê giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của VKS

Thông kê giải quyết đơn đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền của VKS thực hiện theo Quy định về quy trình tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý và giải quyết đơn đề nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục GĐT, TT Ban hành kèm theo QĐ số 201/QĐ-VKSTC ngày 20/05/2019 của Viện trưởng VKSNDTC (Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT)

Một đơn chỉ có một nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS thì thống kê 01 đơn và 01 việc; Đối với đơn có nhiều nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Viện kiểm sát cấp mình thì thống kê số đơn và số việc tương ứng với từng nội dung (Ví dụ: 1 đơn có 3 nội dung khác nhau thì thống kê 03 đơn và 03 việc); Đối với đơn gửi đến từ nhiều nguồn khác nhau nhưng có cùng nội dung phải xử lý thì thống kê số việc tương ứng số đơn đã nhận (Ví dụ: 1 việc có 3 đơn thì thống kê 03 việc và 03 đơn).

I. Phân hướng dẫn theo cột (Đơn/việc đề nghị kháng nghị GĐT, TT):

- **Các cột 2 đến 10 :** Thống kê số đơn/việc yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền xử lý, giải quyết tương ứng với từng loại án cụ thể.

- **Cột 11/12 (Tổng số Đơn/việc đề nghị kháng nghị GĐT, TT):** Thống kê tổng số các loại Đơn/việc đề nghị kháng nghị GĐT, TT tương ứng như sau:

$$\text{Cột 11} = \text{Cột 3} + \text{cột 5} + \text{cột 7} + \text{cột 9}$$

$$\text{Cột 12} = \text{Cột 4} + \text{cột 6} + \text{cột 8} + \text{cột 10}$$

II. Phân hướng dẫn theo dòng:

- **Dòng 1 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số đơn/việc đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS mà kỳ trước chưa giải quyết xong chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 3 đến dòng 5:** Thống kê (tương ứng với các cột đơn/việc) các nguồn đơn (do thông báo của người bị kết án, đề nghị của đương sự và các CQ, tổ chức, cá nhân khác; do kiến nghị các cơ quan Trung ương chuyển đến; VKS cấp dưới đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm) yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình mới tiếp nhận trong kỳ thống kê (Điều 6, 7, 8, 9, 10 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT).

- **Dòng 6 (Tổng số đã thụ lý):** Thống kê số đơn/việc yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền tiếp nhận của đơn vị mình, bao gồm số cũ và số mới tiếp nhận.

$$D6 = D1 + D2$$

- **Dòng 7 (Số đã xử lý chuyển đơn vị khác, hết thời hạn, trùng đơn, lưu đơn,...):** Thống kê số đơn/việc yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT trong quá trình xử lý thấy đơn/việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình và chuyển đơn vị khác, hết thời hạn, trùng đơn; hoặc đơn có đề nghị của VKS cấp dưới nhưng đương sự chưa có đơn đề nghị; đơn do đương sự, người bị kết án, VKS rút đơn đề nghị kháng nghị GĐT.

- **Dòng 8 (Tổng số phải xử lý):** Thống kê số đơn/việc yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền của đơn vị mình phải giải quyết theo Điều 11, 12 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT).

$$D8 = D6 - D7$$

- **Dòng 9 đến dòng 14:** Thống kê số đơn/việc yêu cầu, đề nghị kháng nghị GĐT, TT thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình đã xử lý theo Khoản 1,3,4 Điều 12 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT.

- **Dòng 15 (Tổng số đã giải quyết):** Thống kê số đơn/việc đơn vị mình đã giải quyết xong và ban hành văn bản giải quyết đơn trong kỳ thống kê theo Điều 16 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT.

$$\text{Dòng 15} = \text{Dòng 16} + \text{Dòng 21}$$

- **Dòng 16 (Không kháng nghị):** Thống kê số đơn/việc đơn vị mình đã rút được hồ sơ để nghiên cứu và không kháng nghị GĐT, TT do Tòa án kháng nghị và VKS kết luận đối với kháng nghị đó; không có căn cứ kháng nghị.

- **Dòng 17 đến dòng 20:** Thống kê số đơn/việc VKS trả lời bằng văn bản về việc không kháng nghị GĐT, TT từ các nguồn đơn theo Khoản 2 Điều 16 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT.

- **Dòng 21 (Kháng nghị):** Thống kê số đơn/việc đơn vị mình đã rút được hồ sơ để nghiên cứu và ban hành bản kháng nghị GĐT, TT theo Khoản 1 Điều 16 Quy trình giải quyết đơn GĐT, TT.

- **Dòng 22 (Tr. đó : Do cơ quan Trung ương chuyển đến):** Thống kê số đơn/việc do cơ quan Trung ương chuyển đến (loại đơn ưu tiên) mà VKS ban hành bản kháng nghị GĐT, TT.

- **Dòng 23 (Số còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Số đơn/việc VKS chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

$$D23 = D8 - D15$$

- **Dòng 24 (Tr. đó : Do cơ quan Trung ương chuyển đến) :** Thống kê số đơn/việc do cơ quan Trung ương chuyển đến mà VKS chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.